

Số: 149/QĐ-CLM

Hà Nội, ngày 23 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Phê duyệt Hồ sơ yêu cầu

GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THAN - VINACOMIN

Căn cứ điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;

Căn cứ Quyết định số 33/QĐ-CLM ngày 28/03/2023 của Giám đốc Công ty về việc ban hành “Quy định về lựa chọn nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ”;

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 20-10/BCTĐ-TTĐ ngày 20/10/2023 của Tổ thẩm định về việc thẩm định Hồ sơ yêu cầu của gói cung cấp Thi công sửa chữa các hạng mục lát nền, ốp tường, lát đá cầu thang, thay thế hệ thống ống cấp thoát nước, dây điện, hệ thống mạng internet tại tòa nhà văn phòng Coalimex Quảng Ninh;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Hồ sơ yêu cầu cho gói cung cấp Thi công sửa chữa các hạng mục lát nền, ốp tường, lát đá cầu thang, thay thế hệ thống ống cấp thoát nước, dây điện, hệ thống mạng internet tại tòa nhà văn phòng Coalimex Quảng Ninh (đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Tổ chuyên gia, Tổ thẩm định, Chi nhánh Quảng Ninh, Phòng KTTC, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT.



HỒ SƠ YÊU CẦU

Tên Gói Cung cấp: Sửa chữa, lát nền, ốp tường, lát đá cầu thang, thay thế hệ thống ống cấp thoát nước, dây điện, hệ thống mạng internet tại tòa nhà văn phòng Coalimex Quảng Ninh

Đại điểm: Văn phòng Chi nhánh Coalimex 33 Lê Thánh Tông P.Hồng Gai, TP.Hạ Long, Quảng Ninh. ĐT: 0203 3825 366

Phát hành ngày: 23/10/2023

Kèm theo Quyết định số: /QĐ-CLM ngày 23 tháng 10 năm 2023.

Bên mời thầu
SIAM ĐỐC

Phạm Minh

Định nghĩa và viết tắt:

Công ty: Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin

HSYC: Hồ sơ Yêu cầu

HSDX: Hồ sơ Đề xuất

NCC: Nhà Cung cấp

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ CUNG CẤP

1. Phạm vi Gói Cung cấp

- 1.1 Công ty mời NCC tham gia báo giá cho Gói Cung cấp nêu tại Mục 1.2 dưới đây, theo các điều khoản nêu tại Hồ sơ yêu cầu này.
- 1.2 Phạm vi Gói Cung cấp: Sửa chữa, lát nền, ốp tường, lát đá cầu thang, thay thế hệ thống ống cấp thoát nước, dây điện, hệ thống mạng internet tại tòa nhà văn phòng Coalimex Quảng Ninh (chi tiết đính kèm).
- 1.3 Loại hợp đồng: Hợp đồng không điều chỉnh đơn giá.
- 1.4 Thời gian thực hiện hợp đồng: Tháng 11~12 năm 2023

2. Tư cách hợp lệ của NCC

2.1 NCC là tổ chức:

- (a) Có đăng ký thành lập, hoạt động do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền của nước mà NCC đang hoạt động cấp;
- (b) Hạch toán tài chính độc lập;
- (c) Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật; và
- (d) Có đăng ký ngành nghề kinh doanh phù hợp với phạm vi công việc phải thực hiện gói cung cấp;
- (e) Bảo đảm cạnh tranh trên thị trường về cung cấp hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ;

2.2 NCC là cá nhân:

- (a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định pháp luật của nước mà cá nhân đó là công dân;
- (b) Có trình độ hoặc chứng chỉ chuyên môn phù hợp theo quy định của pháp luật;
- (c) Đăng ký hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật; và
- (d) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

3. Làm rõ, sửa đổi HSYC

3.1 Làm rõ HSYC

Trong trường hợp cần làm rõ HSYC, NCC phải gửi văn bản đề nghị làm rõ đến Công ty không muộn hơn ngày 26/10/2023 Khi nhận được đề nghị làm rõ HSYC của NCC, Công ty sẽ có văn bản trả lời gửi cho NCC có yêu cầu làm rõ và tất cả

các NCC khác đã mua hoặc nhận HSYC từ Công ty. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi HSYC, Công ty sẽ tiến hành sửa đổi HSYC theo thủ tục quy định tại Mục 3.2 dưới đây.

3.2 Sửa đổi HSYC

HSYC có thể được sửa đổi theo quyết định duy nhất của Công ty. Công ty sẽ gửi thông báo sửa đổi HSYC đến tất cả các NCC đã nhận HSYC không muộn hơn ngày 26/10/2023

Trong trường hợp sửa đổi HSYC, Công ty có thể quyết định gia hạn thời điểm đóng thầu.

4. Chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ trong chào hàng

4.1 NCC phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự chào hàng.

4.2 Đồng tiền tham dự chào hàng và đồng tiền thanh toán là đồng tiền Việt Nam.

4.3 HSDX và tất cả văn bản và các tài liệu liên quan đến HSDX được trao đổi giữa Công ty và NCC phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu hỗ trợ trong HSDX có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt.

5. Thành phần của HSDX

HSDX bao gồm:

- (1) Thư Chào hàng (theo Mẫu số 01 tại Chương III);
- (2) Biểu giá (theo Mẫu số 02 tại Chương III);
- (3) Thỏa thuận Liên danh, trong trường hợp có liên danh giữa các NCC (theo Mẫu số 05 tại Chương III);
- (4) Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của NCC;

6. Giá chào và giảm giá

6.1 Giá chào ghi trong Thư Chào hàng bao gồm toàn bộ chi phí để thực hiện Gói Cung cấp (chưa tính giảm giá) theo yêu cầu của HSYC.

6.2 Phạm vi công việc mà NCC đề xuất thực hiện phải bao gồm toàn bộ công việc nêu tại Mục 1 trên đây.

6.3 Trường hợp NCC có đề xuất giảm giá thì có thể ghi trực tiếp vào Thư Chào hàng hoặc đề xuất riêng trong thư giảm giá. Trường hợp giảm giá, NCC phải nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục. Trường hợp có thư giảm giá thì thư giảm giá có thể để cùng trong HSDX hoặc nộp riêng song phải bảo đảm Công ty nhận được trước thời điểm đóng thầu. Thư

giảm giá sẽ được Công ty giữ như một phần của HSDX và được mở đồng thời cùng HSDX của NCC.

- 6.4 Giá chào của NCC phải bao gồm tất cả các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu. Các HSDX mà có giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí sẽ được coi là không hợp lệ và sẽ bị loại. Riêng VAT áp dụng theo quy định tại thời điểm hiện tại.

7. Thời gian có hiệu lực của HSDX

- 7.1 Thời gian có hiệu lực của HSDX là 30 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu. HSDX có thời hạn hiệu lực ngắn hơn thời hạn nêu trên sẽ được coi là không hợp lệ và không được tiếp tục xem xét, đánh giá.
- 7.2 Trong trường hợp cần thiết trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDX, Công ty có thể đề nghị các NCC gia hạn hiệu lực của HSDX. Việc gia hạn, chấp nhận hoặc không chấp nhận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản. Nếu NCC không chấp nhận việc gia hạn thì HSDX của NCC này không được xem xét tiếp. NCC chấp nhận đề nghị gia hạn không được thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSDX.

8. **Bảo đảm dự thầu:** Không yêu cầu.

9. Quy cách HSDX

- 9.1 NCC phải chuẩn bị 01 bản gốc và 01 bản chụp. HSDX đồng thời ghi bên ngoài hồ sơ và túi đựng tương ứng là “BẢN GỐC HỒ SƠ ĐỀ XUẤT”, “BẢN CHỤP HỒ SƠ ĐỀ XUẤT”.
- 9.2 Túi đựng HSDX, HSDX sửa đổi, HSDX thay thế của NCC phải được niêm phong và ghi rõ tên Gói Cung cấp, tên NCC, tên Công ty. Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin trong HSDX của NCC.
- 9.3 NCC phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi thứ tự xếp hạng NCC thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi thứ tự xếp hạng NCC thì HSDX của NCC bị loại.
- 9.4 Tất cả các tài liệu của HSDX phải được ký bởi người đại diện theo pháp luật của NCC, hoặc người được người đại diện theo pháp luật của NCC ủy quyền và kèm theo Giấy ủy quyền hợp lệ. (theo Mẫu số 03 tại Chương III);
- 9.5 Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký Thư Chào hàng.

10. Nộp, rút, thay thế và sửa đổi HSDX

NCC nộp trực tiếp hoặc gửi HSDX theo đường bưu điện tới địa chỉ: tòa nhà Văn phòng Coalimex Quảng Ninh Đ/c Số nhà 33B, đường Lê Thánh Tông, phường Hồng Gai, tp. Hạ Long, Quảng Ninh, không muộn hơn 09 giờ 00 phút, ngày 30/10/2023

- 10.1 Các HSDX mà Công ty nhận được sau khi hết thời hạn nêu trên sẽ không được xem xét.
- 10.2 Công ty sẽ tiếp nhận HSDX của tất cả NCC nộp HSDX trước thời điểm đóng thầu.
- 10.3 NCC có thể rút lại, thay thế hoặc sửa đổi HSDX trước thời điểm đóng thầu.

11. Mở HSDX

- 11.1 Công ty mở công khai HSDX của các NCC vào lúc 09 giờ 30 phút ngày 30/10/2023 tại tòa nhà Văn phòng Coalimex Quảng Ninh Đ/c Số nhà 33B, đường Lê Thánh Tông, phường Hồng Gai, tp. Hạ Long, Quảng Ninh. NCC có quyền tham dự buổi mở HSDX. Tuy nhiên ngay cả khi NCC không có mặt tại buổi mở HSDX, việc mở HSDX vẫn được tiến hành.
- 11.2 Các HSDX sẽ được mở lần lượt theo thứ tự chữ cái tên của NCC và theo trình tự sau đây:
 - (1) Kiểm tra niêm phong;
 - (2) Mở bản gốc HSDX và đọc rõ thông tin sau: tên NCC, bản gốc, số lượng bản chụp, giá chào ghi trong Thư Chào hàng và bảng tổng hợp giá chào, giá trị giảm giá (nếu có), thời gian có hiệu lực của HSDX, thời gian thực hiện hợp đồng, và các thông tin khác mà Công ty thấy cần thiết;
 - (3) Đại diện của Công ty ký xác nhận vào bản gốc thư chào hàng, giấy ủy quyền, bảng tổng hợp giá chào, thư giảm giá (nếu có).
- 11.3 Công ty sẽ lập biên bản mở HSDX trong đó bao gồm các thông tin quy định tại Mục 11.2 trên đây.

12. Làm rõ HSDX

- 12.1 Sau khi mở thầu, NCC có trách nhiệm làm rõ HSDX theo yêu cầu của Công ty.
- 12.2 NCC có thể gửi tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của mình đến Công ty trước ngày 02/11/2023. Công ty có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của NCC để xem xét, đánh giá; các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm được coi như một phần của HSDX.
- 12.3 Việc làm rõ HSDX sẽ không làm thay đổi bản chất của NCC, không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDX đã nộp và không thay đổi giá chào.

13. Giao lại công việc

13.1 Nếu NCC có ý định giao lại một phần Gói Cung cấp cho nhà thầu phụ thực hiện, việc này phải được ghi rõ trong HSDX cùng với thông tin chi tiết về nhà thầu phụ. Công ty có toàn quyền quyết định cho phép hoặc không cho phép giao lại công việc cho nhà thầu phụ. Ngay cả trong trường hợp Công ty cho phép, NCC vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện công việc của nhà thầu phụ và tổng phần việc giao cho nhà thầu phụ không được vượt quá 30% tổng giá trị được NCC chào cho Gói Cung cấp.

14. Đánh giá HSDX và thương thảo hợp đồng

14.1 Việc đánh giá HSDX được thực hiện theo quy định tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX. NCC có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá và sau khi tính ưu đãi thấp nhất được xếp hạng thứ nhất và được mời thương thảo hợp đồng.

14.2 Các bên sẽ thương thảo hợp đồng trên cơ sở HSDX (bao gồm các tài liệu làm rõ HSDX, nếu có), HSYC và các tài liệu liên quan khác.

14.3 Nội dung thương thảo hợp đồng:

- (1) Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa thống nhất giữa HSYC và HSDX, về các nội dung chưa đủ rõ ràng hoặc mâu thuẫn với nội dung khác trong HSDX;
- (2) Thương thảo về các sai lệch do NCC phát hiện và đề xuất trong HSDX (nếu có);
- (3) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn NCC (nếu có) nhằm hoàn thiện các nội dung chi tiết của Gói Cung cấp; và
- (4) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.

14.4 Trên cơ sở kết quả thương thảo, các bên sẽ hoàn thiện dự thảo hợp đồng. Nếu các bên không đạt được thỏa thuận, Công ty sẽ mời NCC tiếp theo thương thảo hợp đồng.

15. Điều kiện trúng thầu

15.1 NCC được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- (1) Có HSDX hợp lệ;
- (2) Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 2 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX;
- (3) Các nội dung về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 3 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX;

- (4) Có sai lệch thiếu không quá 10% giá chào;
- (5) Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá và sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất; và
- (6) Có giá đề nghị trúng thầu không vượt dự toán Gói Cung cấp được phê duyệt.

16. Thông báo kết quả lựa chọn NCC

Kết quả lựa chọn NCC sẽ được gửi đến tất cả NCC tham dự chào hàng bằng văn bản.

17. Điều kiện ký kết hợp đồng

- 17.1 Tại thời điểm ký kết hợp đồng, HSDX của NCC được lựa chọn phải còn hiệu lực và NCC được lựa chọn phải vẫn đáp ứng yêu cầu về năng lực để thực hiện Gói Cung cấp.

18. Thay đổi khối lượng hàng hóa/khối lượng công việc

- 18.1 Vào thời điểm ký kết hợp đồng, Công ty có quyền tăng hoặc giảm khối lượng hàng hóa và dịch vụ không quá 10% so với khối lượng công việc ban đầu. Đơn giá và các điều khoản khác của HSYC và HSDX sẽ không thay đổi.

19. Bảo đảm thực hiện hợp đồng:

- 19.1 Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 3% giá trị hợp đồng
- 19.2 Hình thức bảo đảm: Thư bảo lãnh của ngân hàng
- 19.3 Thời gian có hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi công trình được bàn giao, hai bên ký biên bản nghiệm thu và Nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định

20. Giải quyết kiến nghị của NCC

- 20.1 NCC có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn NCC và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng.

- 20.2 Địa chỉ nhận thư kiến nghị:

- Tòa nhà Văn phòng Coalimex Quảng Ninh

Đ/c Số nhà 33B, đường Lê Thánh Tông, phường Hồng Gai, tp. Hạ Long, Quảng Ninh –

Liên hệ số ĐT : 0203 3825 366 – 0913 366 314

Chương II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSDX

1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDX

1.1 Kiểm tra HSDX:

- (1) Kiểm tra số lượng bản gốc, bản chụp HSDX;
- (2) Kiểm tra các thành phần của HSDX theo yêu cầu tại Mục 5 Chương I – Chỉ dẫn NCC;
- (3) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSDX.

1.2 Tiêu chí đánh giá tính hợp lệ của HSDX

HSDX của NCC được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

- (1) Có bản gốc HSDX;
 - (2) Thư Chào hàng được đại diện hợp pháp của NCC ký tên, đóng dấu theo yêu cầu của HSYC. Đối với NCC liên danh, Thư Chào hàng phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký Thư Chào hàng theo phân công trách nhiệm trong thỏa thuận liên danh; trường hợp người đại diện hợp pháp của NCC ủy quyền cho người khác ký/đóng dấu thì phải có giấy tờ ủy quyền (mẫu số 03 tại Chương III)
 - (3) Thời gian thực hiện hợp đồng ghi trong Thư Chào hàng phải đáp ứng yêu cầu nêu trong HSYC;
 - (4) Giá chào ghi trong Thư Chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ. Không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Công ty;
 - (5) Thời gian có hiệu lực của HSDX đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 7 Chương I – Chỉ dẫn NCC;
 - (6) Không có tên trong hai hoặc nhiều HSDX với tư cách là NCC chính (NCC độc lập hoặc thành viên trong liên danh);
 - (7) Có thỏa thuận liên danh hợp lệ;
 - (8) NCC có tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 2 Chương I – Chỉ dẫn NCC.
- NCC có HSDX hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực, kinh nghiệm.

2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

- Có số năm hoạt động tối thiểu 03 năm.

- Nhà cung cấp đã thực hiện thành công ít nhất 02 hợp đồng thi công sửa chữa (hoặc xây mới) Công trình xây dựng từ năm 2020 đến thời điểm đóng thầu với giá trị hợp đồng lớn hơn hoặc bằng 1,75 tỷ đồng.
- Nhà cung cấp phải nộp một trong các tài liệu sau đây làm bằng chứng đã cung cấp gói thi công sửa chữa (hoặc xây mới) Công trình xây dựng thành công:
 - + Hợp đồng;
 - + Biên bản nghiệm thu bàn giao hoàn thành
 - + Hóa đơn thuế GTGT/Hóa đơn thương mại kèm theo hợp đồng đã ký.
- Yêu cầu về năng lực tài chính của NCC:
 - + Báo cáo tài chính năm 2021 và năm 2022, trường hợp báo cáo tài chính năm 2022 chưa khả dụng, nhà cung cấp được yêu cầu nộp báo cáo tài chính năm 2020 và năm 2021. Báo cáo tài chính tuân thủ các điều kiện sau:
 - ✓ Phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà thầu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ hoặc công ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu hoặc thành viên liên danh.
 - ✓ Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định
 - ✓ Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành và được kiểm toán hoặc Báo cáo tài chính chưa kiểm toán kèm theo Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế.
 - + Năng lực tài chính được đánh giá là đạt khi đáp ứng các điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu lớn hơn hoặc bằng tổng giá trị gói hàng hóa/dịch vụ tham gia chào giá
 - ✓ Kết quả kinh doanh của BCTC gần nhất có lợi nhuận dương và không có lỗ lũy kế
 - ✓ BCTC của NCC đảm bảo không mất cân đối về nguồn vốn (Vốn chủ sở hữu + vay dài hạn lớn hơn hoặc bằng tổng tài sản dài hạn).
 - + Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;
 - + Các tài liệu khác (nếu có).

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt để đánh giá về năng lực và kinh nghiệm. HSDX được đánh giá về năng lực và kinh nghiệm khi tất cả các tiêu chí đều được đánh giá đạt.

3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Nội dung yêu cầu		Mức độ đáp ứng	
3.1	Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của vật liệu xây dựng		
(a)	Đối với các vật tư, vật liệu chính (xi măng, cát, gạch, sơn, thép....) sử dụng cho công trình	<i>Có cam kết hoặc hợp đồng nguyên tắc</i>	<i>Đạt</i>
		<i>Không có cam kết hoặc hợp đồng nguyên tắc</i>	<i>Không đạt</i>
3.2	Giải pháp kỹ thuật		
(a)	Tổ chức mặt bằng thi công	<i>Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công</i>	<i>Đạt</i>
		<i>Giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công</i>	<i>Không đạt</i>
(b)	Giải pháp thi công cho các phần việc trong HSYC	<i>Có giải pháp thi công hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công</i>	<i>Đạt</i>
		<i>Giải pháp thi công không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công</i>	<i>Không đạt</i>
3.3	Biện pháp tổ chức thi công		
(a)	Có bản vẽ mặt bằng bố trí thi công và tổ chức thi công.	<i>Có bản vẽ đầy đủ, khả thi, phù hợp với đề xuất về tiến độ</i>	<i>Đạt</i>
		<i>Không có bản vẽ đầy đủ hoặc biện pháp tổ chức thi công không khả thi, không phù hợp với đề xuất về tiến độ</i>	<i>Không đạt</i>
(b)	Có sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường và thuyết minh sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng người	<i>Có sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng người, đặc biệt là các vị trí Chỉ huy trưởng công trường và cán bộ kỹ thuật</i>	<i>Đạt</i>
		<i>Không có sơ đồ, hoặc sơ đồ không thể hiện rõ trách nhiệm của từng cán bộ chủ chốt</i>	<i>Không đạt</i>
3.4	Bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và an toàn lao động.		
(a)	Giải pháp chống ô nhiễm Môi trường trong quá trình thi công, vận chuyển vật tư và vật liệu	<i>Có giải pháp khả thi</i>	<i>Đạt</i>
		<i>Không có giải pháp khả thi</i>	<i>Không đạt</i>
(b)	An toàn lao động	<i>Có biện pháp bảo đảm an toàn lao động rõ ràng</i>	<i>Đạt</i>

Nội dung yêu cầu		Mức độ đáp ứng	
		<i>Không có biện pháp bảo đảm an toàn lao động rõ ràng</i>	<i>Không đạt</i>
3.5	Bảo hành và uy tín của nhà thầu		
-	Bảo hành công trình	<i>Có thuyết minh bảo hành, thời gian bảo hành đề xuất ≥ 12 tháng</i>	<i>Đạt</i>
		<i>Không có thuyết minh bảo hành, thời gian đề xuất < 12 tháng</i>	<i>Không đạt</i>
3.6	Biện pháp bảo đảm chất lượng		
-	Có thuyết minh hợp lý về biện pháp bảo đảm chất lượng, gồm những nội dung như sơ đồ bố trí tổ chức giám sát, kiểm tra các khâu thi công, thực hiện các thí nghiệm phục vụ thi công, ghi nhật ký thi công,...		<i>Đạt</i>
-	Không có thuyết minh hoặc thuyết minh không đầy đủ, không đạt yêu cầu đối với các nội dung trên		<i>Không đạt</i>
3.7	Tiến độ thi công		
-	Có đề xuất thời gian ngắn hơn hoặc bằng số ngày quy định (Có tính đến đến điều kiện thời tiết)		<i>Đạt</i>
-	Có đề xuất thời gian dài hơn số ngày quy định (Có tính đến đến điều kiện thời tiết)		<i>Không đạt</i>
KẾT LUẬN	<i>Các tiêu chuẩn chi tiết 3.1, 3.2, 3.3, 3.4, 3.5, 3.6, 3.7 được xác định là đạt.</i>		<i>Đạt</i>
	<i>Các tiêu chuẩn chi tiết 3.1, 3.2, 3.3, 3.4, 3.5, 3.6, 3.7 được xác định là không đạt</i>		<i>Không đạt</i>

- Nguyên liệu sử dụng trong Biểu giá đáp ứng theo HSYC.

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt để giá về kỹ thuật. HSDX được đánh giá là đạt về kỹ thuật khi tất cả các tiêu chí đều được đánh giá là đạt.

4. Xác định giá chào

Cách xác định giá chào thấp nhất theo các bước sau:

Bước 1: Xác định giá chào;

Bước 2: Sửa lỗi, được thực hiện theo quy định tại ghi chú (1);

Bước 3: Hiệu chỉnh sai lệch, được thực hiện theo quy định tại ghi chú (2);

Bước 4: Xác định giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 5: Xếp hạng NCC. HSDX có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Ghi chú:

(1) Sửa lỗi:

Việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá chào. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong HSYC thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong HSYC;

- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi Công ty cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá NCC chào rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá sẽ được sửa lại;

- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

(2) Hiệu chỉnh sai lệch:

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá tương ứng trong HSDX của NCC có sai lệch;

Trường hợp một hạng mục trong HSDX của NCC có sai lệch không có đơn giá thì lấy đơn giá cao nhất đối với hạng mục này trong số các HSDX của NCC khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp

trong HSĐX của các NCC vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá của hạng mục này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của Gói Cung cấp làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch;

Trường hợp chỉ có một NCC duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá tương ứng trong HSĐX của NCC này; trường hợp HSĐX của NCC không có đơn giá tương ứng thì lấy đơn giá trong dự toán của Gói Cung cấp được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp NCC có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá chào chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá chào ghi trong Thư Chào hàng.

PHẠM VI GÓI CUNG CẤP
(Kèm theo Hồ sơ yêu cầu)

BẢNG KHỐI LƯỢNG

GÓI CUNG CẤP: SỬA CHỮA, LÁT NỀN, ÓP TƯỜNG, LÁT ĐÁ CẦU THANG, THAY THẾ HỆ THỐNG ỚNG CẤP THOÁT NƯỚC, DÂY ĐIỆN, HỆ THỐNG MẠNG INTERNET TẠI TÒA NHÀ VĂN PHÒNG COALIMEX QUẢNG NINH

STT	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
	SỬA CHỮA, LÁT NỀN,, ÓP TƯỜNG, LÁT ĐÁ CẦU THANG			
	Tháo dỡ			
1	Tháo dỡ trần	100m ²	165,9838	
2	Tháo dỡ gạch ốp tường	m ²	774,1780	
3	Phá dỡ Nền gạch xi măng	m ²	928,9133	
4	Phá dỡ tường xây gạch chiều dày tường <=11cm (Hộp kỹ thuật; bồn hoa)	m ³	5,7176	
5	Phá dỡ tường xây gạch chiều dày tường <=22cm (Ổng khói. bê nước)	m ³	5,940	
6	Phá dỡ nền láng granito	m ²	257,1385	
	Cầu thang số 4	0	0,0	
7	Phá dỡ kết cấu bê tông có cốt thép bằng búa căn khí nén 3m ³ /ph	m ³	2,9280	
8	Phá dỡ kết cấu gạch đá bằng máy khoan bê tông 1,5kW	m ³	0,7425	
9	Xây gạch đất sét nung 6,5x10,5x22, xây tường thẳng, chiều dày <= 33cm, chiều cao <= 6m, vữa XM mác 75	m ³	2,1384	
10	Ván khuôn gỗ. Ván khuôn xà dầm, giằng	100m ²	0,0132	
11	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép xà dầm, giằng, đường kính cốt thép <= 10mm, chiều cao <= 6m	tấn	0,0643	Thép Thái Nguyên; Hoà Phát
12	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép xà dầm, giằng, đường kính cốt thép <= 18mm, chiều cao <= 6m	tấn	0,0288	Thép Thái Nguyên; Hoà Phát
13	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông xà dầm, giằng nhà, chiều cao <= 6m, đá 1x2, mác 200	m ³	0,1452	Xi Măng PCB40; đá 1x2; Cát Vàng
14	Ván khuôn gỗ. Ván khuôn cầu thang thường	100m ²	0,3444	
15	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép cầu thang, đường kính cốt thép <= 10mm, chiều cao <= 6m	tấn	0,330	Thép Thái Nguyên; Hoà Phát
16	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép cầu thang, đường kính cốt thép > 10mm, chiều cao <= 6m	tấn	0,1036	Thép Thái Nguyên; Hoà Phát

17	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông cầu thang thường, đá 1x2, mác 250	m3	2,5069	Xi Măng PCB40; đá 1x2; Cát Vàng
18	Xây gạch đất sét nung 6,5x10,5x22, xây kết cấu phức tạp khác, chiều cao <= 6m, vữa XM mác 75	m3	0,7425	Gạch đất sét nung A1
19	Trát tường trong, chiều dày trát 1,5cm, vữa XM mác 75	m2	79,50	Xi Măng PCB30; Cát mịn
20	Trát trụ, cột, lam đứng, cầu thang, chiều dày trát 1,5cm, vữa XM mác 75	m2	17,490	Xi Măng PCB30; Cát mịn
21	Sơn dầm, trần, cột, tường trong nhà không bả bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	m2	17,490	Sơn Javitex
	Sân phía sau nhà	0	0,0	
22	Xây gạch đất sét nung 6,5x10,5x22, xây tường thẳng, chiều dày <= 33cm, chiều cao <= 6m, vữa XM mác 75	m3	0,9592	Gạch đất sét nung A1
23	Trát tường ngoài, chiều dày trát 1,5cm, vữa XM mác 75	m2	9,9520	: Xi Măng PCB30; Cát mịn
24	Đắp đất công trình bằng đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt yêu cầu K=0,90	100m3	0,0545	
	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông lót móng, chiều rộng <= 250 cm, đá 4x6, vữa mác 100	m3	6,180	Xi Măng PCB40; đá 4x6; Cát Vàng
	Láng nền sàn không đánh màu, dày 2cm, vữa XM mác 100	m2	61,80	Xi Măng PCB30; Cát mịn
	Khung lưới B 40	0	0,0	
25	Gia công cột bằng thép hình	tấn	0,0402	Thép mạ kẽm
26	Gia công khung thép hộp	tấn	0,0182	Thép mạ kẽm
27	Gia công khung thép ống	tấn	0,0733	Thép mạ kẽm
28	Gia công hàng rào lưới B40	m2	9,360	Lưới B40 2.5 ly
29	Lắp dựng cột thép các loại	tấn	0,0402	Thép mạ kẽm
30	Lắp dựng khung lưới thép B40	m2	9,360	Thép mạ kẽm; Lưới B40 2.5 ly
	Sân tầng 4	0	0,0	
31	Lát nền, sàn, kích thước gạch <=0,16m2, vữa XM mác 75	m2	27,70	Gạch gốm đỏ 400x400
32	Gia công lan can	tấn	0,2560	Thép hộp
33	Lắp dựng lan can sắt	m2	17,7778	Thép hộp
34	Sơn sắt thép bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	m2	22,230	Sơn tổng hợp
	Vận chuyển	0	0,0	
35	Vận chuyển các loại phế thải từ trên cao xuống	m3	71,9339	
36	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 5 tấn trong phạm vi <= 1000m, đất cấp III	100m3	0,7190	
37	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 5T 1km tiếp theo trong phạm vi <= 5km, đất cấp III	100m3	0,7190	

38	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 5T 1km tiếp theo ngoài phạm vi 5km, đất cấp III	100m ³	0,7190	
	Ốp Lát	0	0,0	
39	Xây gạch đất sét nung 6,5x10,5x22, xây tường thẳng, chiều dày ≤ 11cm, chiều cao ≤ 28m, vữa XM mác 75 (Hộp kỹ thuật)	m ³	5,30	Gạch đất sét nung A1; Vữa XM: Xi Măng PCB30; Cát mịn
40	Trát tường trong, chiều dày trát 1,5cm, vữa XM mác 75 (Hộp kỹ thuật)	m ²	100,740	Xi Măng PCB30; Cát mịn
41	Quét dung dịch chống thấm mái, tường, sê nô, ô văng ...	m ²	152,880	Sika
42	Lát nền, sàn, kích thước gạch chống trơn 300x300, vữa XM mác 75	m ²	152,880	Gạch Vigracera
43	Công tác ốp gạch vào tường, trụ, cột, gạch 400x400 mm, vữa XM cát mịn mác 75	m ²	721,70	Gạch Vigracera
44	Lát đá bậc cầu thang, vữa XM mác 75	m ²	107,6185	Đá tự nhiên: Thanh Hoá; Bình Định
45	Lát nền, sàn, kích thước gạch ≤ 0,36m ² , vữa XM mác 75	m ²	925,5443	Gạch Vigracera
46	Công tác ốp gạch chân tường, vữa XM mác 75	m ²	83,580	Gạch Vigracera
	Trần WC	0	0,0	
47	Thi công trần nhôm 300x300	m ²	165,9838	
	THAY THẾ HỆ THỐNG ỐNG CẤP THOÁT NƯỚC			
	Tháo dỡ thiết bị WC	0	0,0	
1	Tháo dỡ phụ kiện vệ sinh bệ xí	bộ	31,0	
2	Tháo dỡ phụ kiện vệ sinh chậu rửa	bộ	31,0	
3	Tháo dỡ phụ kiện vệ sinh chậu tiểu	bộ	9,0	
	Đường ống cấp nước	0	0,0	
4	Ống nước lạnh PPR D25	100m	2,160	Ống nhựa Tiên Phong; Dekko
5	Ống nước nóng PPR D25	100m	1,350	Ống nhựa Tiên Phong; Dekko
6	Ống cấp nước lạnh PPR D32	100m	1,6335	Ống nhựa Tiên Phong; Dekko
7	Cút nhựa PPR D25	cái	270,0	Ống nhựa Tiên Phong; Dekko
8	Lắp đặt cút ren trong PPR D25	cái	189,0	Ống nhựa Tiên Phong; Dekko
9	Lắp đặt T nhựa PPR 32-25	cái	27,0	Ống nhựa Tiên Phong; Dekko
10	Lắp đặt T nhựa PPR D25	cái	81,0	Ống nhựa Tiên Phong; Dekko
11	Lắp đặt van ren, đường kính van d=<25mm	cái	27,0	Ống nhựa Tiên Phong; Dekko
12	Lắp đặt van ren, đường kính van d=32mm	cái	27,0	Ống nhựa Tiên Phong; Dekko
	Đường ống thoát nước	0	0,0	

13	Lắp đặt phễu thu đường kính 100mm	cái	27,0	Ống nhựa Tiên Phong; Dekko
14	Lắp đặt ống nhựa miệng bát nối bằng phương pháp dán keo, đoạn ống dài 6m, đường kính ống 110mm	100m	2,2850	Ống nhựa Tiên Phong; Dekko
15	Lắp đặt ống nhựa miệng bát nối bằng phương pháp dán keo, đoạn ống dài 6m, đường kính ống 76	100m	1,4850	Ống nhựa Tiên Phong; Dekko
16	Lắp đặt ống nhựa miệng bát nối bằng phương pháp dán keo, đoạn ống dài 6m, đường kính ống 60mm	100m	0,50	Ống nhựa Tiên Phong; Dekko
17	Lắp đặt ống nhựa miệng bát nối bằng phương pháp dán keo, đoạn ống dài 6m, đường kính ống 32mm	100m	1,420	Ống nhựa Tiên Phong; Dekko
18	Cút nhựa PVC D110	cái	27,0	Ống nhựa Tiên Phong; Dekko
19	Chéch nhựa PVC D110	cái	27,0	Ống nhựa Tiên Phong; Dekko
20	Côn nhựa PVC D76x32	cái	27,0	Ống nhựa Tiên Phong; Dekko
21	Chéch nhựa PVC D76	cái	81,0	Ống nhựa Tiên Phong; Dekko
22	Cút nhựa PVC D32	cái	27,0	Ống nhựa Tiên Phong; Dekko
23	T nhựa PVC D110	cái	28,0	Ống nhựa Tiên Phong; Dekko
THAY THẾ HỆ THỐNG DÂY ĐIỆN		0	0,0	
1	Lắp đặt dây dẫn 3 ruột <= 10mm ²	m	150,0	Dây điện Cadidun; Trần Phú
2	Kéo rải các loại dây dẫn, Lắp đặt dây dẫn 2 ruột 2x4mm ²	m	450,0	Dây điện Cadidun; Trần Phú
3	Kéo rải các loại dây dẫn, Lắp đặt dây dẫn 2 ruột 2x2,5mm ²	m	300,0	Dây điện Cadidun; Trần Phú
4	Kéo rải các loại dây dẫn, Lắp đặt dây dẫn 2 ruột 2x1,5mm ²	m	650,0	Dây điện Cadidun; Trần Phú
5	Lắp đặt ống nhựa đặt chìm bảo hộ dây dẫn, đường kính <=34mm	m	150,0	Dây điện Cadidun; Trần Phú
6	Lắp đặt ống nhựa đặt chìm bảo hộ dây dẫn, đường kính <=27mm	m	400,0	Dây điện Cadidun; Trần Phú
7	Lắp đặt ống nhựa đặt chìm bảo hộ dây dẫn, đường kính <=20mm	m	800,0	Dây điện Cadidun; Trần Phú
HỆ THỐNG MẠNG INTERNET				
1	Cáp mạng cat 5 HKVison	m	1.060,0	
2	Lắp đặt ổ cắm mạng AMP + phụ kiện	bộ	24,0	
3	Ubiquiti Networks POE-24-24W-G PoE Injector, 24W, Black	cái	9,0	
4	Thiết bị wifi gắn tường (ốp trần)	cái	9,0	
5	switch Thiết bị chuyển mạch 16 cổng tốc độ 10/100/1000Mbps	bộ	3,0	
6	Tủ điện 40x60	cái	3,0	

7	Thiết bị cân bằng tải cho toàn bộ hệ thống mạng Lan	bộ	1,0	
8	Ống mềm SP 9020	m	210,0	
9	Ống mềm SP 9016	m	135,0	
10	Dây dẫn điện 2 ruột 2x1,5mm ²	m	60,0	

CHƯƠNG III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

THƯ CHÀO HÀNG⁽¹⁾

Ngày: ___[ghi ngày tháng năm ký đơn chào giá]

Tên gói cung cấp: ___[ghi tên gói cung cấp theo yêu cầu báo giá]

Yêu cầu báo giá số: ___[ghi số trích yếu, nếu có, của yêu cầu báo giá] ngày ___[ghi ngày phát hành yêu cầu báo giá]

Kính gửi: Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin

Sau khi nghiên cứu Hồ sơ yêu cầu mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ___[ghi tên nhà cung cấp], cam kết thực hiện gói cung cấp ___[ghi tên gói cung cấp] theo đúng yêu cầu của Hồ sơ yêu cầu. Chúng tôi xin gửi kèm bản báo giá này giá chào với tổng số tiền là ___[ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền chào giá]⁽²⁾ cùng với biểu giá kèm theo. Giá chào đã bao gồm đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí theo quy định, trong đó VAT là 8%.

Thời gian thực hiện hợp đồng là ngày.

Chúng tôi cam kết chúng tôi không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

HSDX này có hiệu lực trong thời gian ___⁽³⁾ ngày, kể từ ngày ___ tháng ___ năm ___⁽⁴⁾.

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

(ghi đầy đủ họ tên, chức danh, chữ ký và đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Bản báo giá phải được ghi đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của nhà cung cấp, thời gian có hiệu lực của bản báo giá, được đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên, đóng dấu.

(2) Giá chào ghi trong bản báo giá phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá chào ghi trong biểu giá, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Bên yêu cầu báo giá.

(3) Ghi số ngày có hiệu lực theo quy định tại Hồ sơ yêu cầu. Thời gian có hiệu lực của bản báo giá được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực theo quy định trong yêu cầu báo giá. Từ thời điểm đóng thầu đến hết 24 giờ của ngày có thời điểm đóng thầu được tính là 1 ngày.

(4) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Hồ sơ yêu cầu.

BIỂU GIÁ

STT	Tên công việc	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (chưa gồm VAT)	Thành tiền
	SỬA CHỮA, LÁT NỀN, ỐP TƯỜNG, LÁT ĐÁ CẦU THANG				
	Tháo dỡ				
1	Tháo dỡ trần	100m ²	165,9838		
2	Tháo dỡ gạch ốp tường	m ²	721,7380		
3	Phá dỡ Nền gạch xi măng	m ²	928,9133		
4	Phá dỡ tường xây gạch chiều dày tường <=11cm (Hộp kỹ thuật; bồn hoa)	m ³	5,7176		
5	Phá dỡ tường xây gạch chiều dày tường <=22cm (Ổng khói. bê nước)	m ³	5,940		
6	Phá dỡ nền láng granito	m ²	257,1385		
	Cầu thang số 4	0	0,0		
7	Phá dỡ kết cấu bê tông có cốt thép bằng búa cần khí nén 3m ³ /ph	m ³	2,9280		
8	Phá dỡ kết cấu gạch đá bằng máy khoan bê tông 1,5kW	m ³	0,7425		
9	Xây gạch đất sét nung 6,5x10,5x22, xây tường thẳng, chiều dày <= 33cm, chiều cao <= 6m, vữa XM mác 75	m ³	2,1384		
10	Ván khuôn gỗ. Ván khuôn xà dầm, giằng	100m ²	0,0132		
11	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép xà dầm, giằng, đường kính cốt thép <= 10mm, chiều cao <= 6m	tấn	0,0643		
12	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép xà dầm, giằng, đường kính cốt thép <= 18mm, chiều cao <= 6m	tấn	0,0288		
13	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông xà dầm, giằng nhà, chiều cao <= 6m, đá 1x2, mác 200	m ³	0,1452		
14	Ván khuôn gỗ. Ván khuôn cầu thang thường	100m ²	0,3444		
15	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép cầu thang, đường kính cốt thép <= 10mm, chiều cao <= 6m	tấn	0,330		

STT	Tên công việc	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (chưa gồm VAT)	Thành tiền
16	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép cầu thang, đường kính cốt thép > 10mm, chiều cao <= 6m	tấn	0,1036		
17	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông cầu thang thường, đá 1x2, mác 250	m3	2,5069		
18	Xây gạch đất sét nung 6,5x10,5x22, xây kết cấu phức tạp khác, chiều cao <= 6m, vữa XM mác 75	m3	0,7425		
19	Trát tường trong, chiều dày trát 1,5cm, vữa XM mác 75	m2	79,50		
20	Trát trụ, cột, lam đứng, cầu thang, chiều dày trát 1,5cm, vữa XM mác 75	m2	17,490		
21	Sơn dầm, trần, cột, tường trong nhà không bả bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	m2	0,0		
	Sân phía sau nhà	0	0,0		
22	Đắp đất công trình bằng đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt yêu cầu K=0,90	100m3	0,0545		
23	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông lót móng, chiều rộng <= 250 cm, đá 4x6, vữa mác 100	m3	6,180		
24	Láng nền sàn không đánh màu, dày 2cm, vữa XM mác 100	m2	61,80		
	Khung lưới B 40	0	0,0		
25	Gia công cột bằng thép hình	tấn	0,0904		
26	Gia công khung thép hộp	tấn	0,0278		
27	Gia công khung thép ống	tấn	0,1541		
28	Gia công hàng rào lưới B40	m2	17,8376		
29	Lắp dựng cột thép các loại	tấn	0,0904		
30	Lắp dựng khung lưới thép B40	m2	26,40		
	Sân tầng 4	0	0,0		
31	Lát nền, sàn, kích thước gạch <=0,16m2, vữa XM mác 75	m2	27,70		
32	Gia công lan can	tấn	0,2560		
33	Lắp dựng lan can sắt	m2	17,7778		

STT	Tên công việc	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (chưa gồm VAT)	Thành tiền
34	Sơn sắt thép bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	m2	22,230		
	Vận chuyển	0	0,0		
35	Vận chuyển các loại phế thải từ trên cao xuống	m3	71,9339		
36	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 5 tấn trong phạm vi <= 1000m, đất cấp III	100m3	0,7190		
37	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 5T 1km tiếp theo trong phạm vi <= 5km, đất cấp III	100m3	0,7190		
38	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 5T 1km tiếp theo ngoài phạm vi 5km, đất cấp III	100m3	0,7190		
	Ốp Lát	0	0,0		
39	Xây gạch đất sét nung 6,5x10,5x22, xây tường thẳng, chiều dày <= 11cm, chiều cao <= 28m, vữa XM mác 75 (Hộp kỹ thuật)	m3	5,30		
40	Trát tường trong, chiều dày trát 1,5cm, vữa XM mác 75 (Hộp kỹ thuật)	m2	48,30		
41	Quét dung dịch chống thấm mái, tường, sê nô, ô văng ...	m2	152,880		
42	Lát nền, sàn, kích thước gạch chống trơn 300x300, vữa XM mác 75	m2	152,880		
43	Công tác ốp gạch vào tường, trụ, cột, gạch 400x400 mm, vữa XM cát mịn mác 75	m2	721,70		
44	Lát đá bậc cầu thang, vữa XM mác 75	m2	107,6185		
45	Lát nền, sàn, kích thước gạch <=0,25m2, vữa XM mác 75	m2	925,5443		
46	Công tác ốp gạch chân tường, vữa XM mác 75	m2	83,580		
	Trần WC	0	0,0		
47	Thi công trần nhôm 300x300	m2	165,9838		
	THAY THẾ HỆ THỐNG ỐNG CẤP THOÁT NƯỚC				
	Tháo dỡ thiết bị WC	0	0,0		
1	Tháo dỡ phụ kiện vệ sinh bệ xí	bộ	31,0		
2	Tháo dỡ phụ kiện vệ sinh chậu rửa	bộ	31,0		

STT	Tên công việc	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (chưa gồm VAT)	Thành tiền
3	Tháo dỡ phụ kiện vệ sinh chậu tiểu	bộ	9,0		
	Đường ống cấp nước	0	0,0		
4	Ống nước lạnh PPR D25	100m	2,160		
5	Ống nước nóng PPR D25	100m	1,350		
6	Ống cấp nước lạnh PPR D32	100m	1,6335		
7	Cút nhựa PPR D25	cái	270,0		
8	Lắp đặt cút ren trong PPR D25	cái	189,0		
9	Lắp đặt T nhựa PPR 32-25	cái	27,0		
10	Lắp đặt T nhựa PPR D25	cái	81,0		
11	Lắp đặt van ren, đường kính van d=<25mm	cái	27,0		
12	Lắp đặt van ren, đường kính van d=32mm	cái	27,0		
	Đường ống thoát nước	0	0,0		
13	Lắp đặt phễu thu đường kính 100mm	cái	27,0		
14	Lắp đặt ống nhựa miệng bát nối bằng phương pháp dán keo, đoạn ống dài 6m, đường kính ống 110mm	100m	1,4850		
15	Lắp đặt ống nhựa miệng bát nối bằng phương pháp dán keo, đoạn ống dài 6m, đường kính ống 76	100m	1,4850		
16	Lắp đặt ống nhựa miệng bát nối bằng phương pháp dán keo, đoạn ống dài 6m, đường kính ống 60mm	100m	0,50		
17	Lắp đặt ống nhựa miệng bát nối bằng phương pháp dán keo, đoạn ống dài 6m, đường kính ống 32mm	100m	1,420		
18	Cút nhựa PVC D110	cái	27,0		
19	Chếch nhựa PVC D110	cái	27,0		
20	Côn nhựa PVC D76x32	cái	27,0		
21	Chếch nhựa PVC D76	cái	81,0		
22	Cút nhựa PVC D32	cái	27,0		

STT	Tên công việc	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (chưa gồm VAT)	Thành tiền
23	T nhựa PVC D110	cái	28,0		
	THAY THẾ HỆ THỐNG DÂY ĐIỆN	0	0,0		
1	Lắp đặt dây dẫn 3 ruột <= 10mm ²	m	150,0		
2	Kéo rài các loại dây dẫn, Lắp đặt dây dẫn 2 ruột 2x4mm ²	m	400,0		
3	Kéo rài các loại dây dẫn, Lắp đặt dây dẫn 2 ruột 2x2,5mm ²	m	280,0		
4	Kéo rài các loại dây dẫn, Lắp đặt dây dẫn 2 ruột 2x1,5mm ²	m	650,0		
5	Lắp đặt ống nhựa đặt chìm bảo hộ dây dẫn, đường kính <=34mm	m	150,0		
6	Lắp đặt ống nhựa đặt chìm bảo hộ dây dẫn, đường kính <=27mm	m	400,0		
7	Lắp đặt ống nhựa đặt chìm bảo hộ dây dẫn, đường kính <=20mm	m	800,0		
	HỆ THỐNG MẠNG INTERNET				
1	Cáp mạng cat 5 HKVison	m	1.060,0		
2	Lắp đặt ổ cắm mạng AMP + phụ kiện	bộ	24,0		
3	Ubiquiti Networks POE-24-24W-G PoE Injector, 24W, Black	cái	9,0		
4	Thiết bị wifi gắn tường (ốp trần)	cái	9,0		
5	switch Thiết bị chuyên mạch 16 cổng tốc độ 10/100/1000Mbps	bộ	3,0		
6	Tủ điện 40x60	cái	3,0		
7	Thiết bị cân bằng tải cho toàn bộ hệ thống mạng Lan	bộ	1,0		
8	Ống mềm SP 9020	m	210,0		
9	Ống mềm SP 9016	m	135,0		
10	Dây dẫn điện 2 ruột 2x1,5mm ²	m	60,0		
	Cộng				
	Thuế GTGT				
	Tổng cộng giá chào				

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

(ghi đầy đủ họ tên, chức danh, chữ ký và đóng dấu)

GIẤY ỦY QUYỀN⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của ____ [ghi tên nhà thầu] có địa chỉ tại ____ [ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án ____ [ghi tên dự án] do ____ [ghi tên Bên mời thầu] tổ chức:

[- Ký đơn dự thầu;

- Ký thỏa thuận liên danh (nếu có);

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham gia đấu thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ hồ sơ mời thầu và văn bản giải trình, làm rõ hồ sơ dự thầu hoặc văn bản đề nghị rút hồ sơ dự thầu, sửa đổi, thay thế hồ sơ dự thầu;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư nếu được lựa chọn⁽²⁾.

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [ghi tên nhà thầu]. ____ [ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản, Bên mời thầu giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Người ủy quyền

[ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Bên mời thầu cùng với Bản chào giá. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia đấu thầu/thương thảo, hoàn thiện Hợp đồng.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày tháng năm 2023

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: /HĐKT/TL-CNQN

Về việc: Sửa chữa, lát nền, ốp tường, lát đá cầu thang, thay thế hệ thống ống cấp thoát nước, dây điện, hệ thống mạng internet tại tòa nhà văn phòng Coalimex Quảng Ninh

Giữa

CHI NHÁNH CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU THAN-VINACOMIN TẠI QUẢNG NINH

và

CÔNG TY

PHẦN 1 - CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

Căn cứ vào Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội thông qua và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017;

Căn cứ Biên bản thương thảo hợp đồng số: ngày tháng năm 2023 giữa Chi nhánh Công ty CP Xuất nhập khẩu Than-Vinacomin tại Quảng Ninh và Công ty việc thực hiện: Sửa chữa, lát nền, ốp tường, lát đá cầu thang, thay thế hệ thống ống cấp thoát nước, dây điện, hệ thống mạng internet tại tòa nhà văn phòng Coalimex Quảng Ninh

Căn cứ nhu cầu và khả năng đáp ứng nhu cầu của hai bên.

PHẦN 2 - CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG:

Hôm nay, ngày tháng năm 2023 tại Văn phòng Chi nhánh Công ty CP Xuất nhập khẩu Than-Vinacomin tại Quảng Ninh- Địa chỉ: 33 Lê Thánh Tông P.Hồng Gai, TP.Hạ Long, Quảng Ninh.

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Bên A : CÔNG TY XNK THAN VINACOMIN – CHI NHÁNH COALIMEX QUẢNG NINH

Địa chỉ: 33 Lê Thánh Tông P.Hồng Gai, TP.Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh
Tel: 0203 3825 366
Mã số thuế: 0100100304
Tài khoản: 112002631888 tại Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Công Thương Việt Nam - Chi Nhánh Quảng Ninh
Đại diện là: **Ông Nguyễn Anh Tuấn** Chức vụ: Giám đốc
(Theo Ủy quyền số 309/UQ-CLM ngày 08/5/2023 của Giám đốc Công ty CP Xuất nhập khẩu Than-Vinacomin)

Bên B:

Địa chỉ:
Tel:
Mã số thuế:
Tài khoản số:
Đại diện là:

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Bên A giao cho Bên B thực hiện việc: Sửa chữa, lát nền, ốp tường, lát đá cầu thang, thay thế hệ thống ống cấp thoát nước, dây điện, hệ thống mạng internet tại tòa nhà văn phòng Coalimex Quảng Ninh

Địa chỉ: 33 Lê Thánh Tông P.Hồng Gai, TP.Hạ Long, Quảng Ninh

Điều 2. Bảo đảm thực hiện và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng

2.1 Bảo đảm thực hiện hợp đồng: Không yêu cầu

2.2 Bảo lãnh tiền tạm ứng: Trước khi Bên A tạm ứng theo quy định hợp đồng cho Bên B thì Bên B phải nộp cho Bên A bảo lãnh tạm ứng hợp đồng của Ngân hàng hợp pháp tại Việt Nam với giá trị tương đương giá trị tạm ứng.

Bảo lãnh tiền tạm ứng phải có giá trị trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát hành. Vào thời điểm trước 10 ngày hết hạn bảo lãnh tiền tạm ứng mà số tiền tạm ứng chưa được thu hồi hết thì bên B phải gia hạn bảo lãnh tiền tạm ứng để nộp cho bên A trước 3 ngày hết hạn bảo lãnh tiền tạm ứng. Nếu bên B không nộp gia hạn bảo lãnh tiền tạm ứng đúng thời hạn thì bên A sẽ làm việc với ngân hàng để giữ lại số tiền bảo lãnh. Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh tạm ứng gia hạn do bên A quyết định (căn cứ vào tiến độ thi công thực tế tại công trình)

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được nêu trong hợp đồng.

Điều 4 Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết tiến hành công việc: Bên A giao cho Bên B thực hiện việc: Sửa chữa, lát nền,, ốp tường, lát đá cầu thang, thay thế hệ thống ống cấp thoát nước, dây điện, hệ thống mạng internet tại tòa nhà văn phòng Coalimex Quảng Ninh; Địa chỉ: 33 Lê Thánh Tông P.Hồng Gai, TP.Hạ Long, Quảng Ninh tuân thủ yêu cầu của bên A và sau quá trình thi công, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng.

Tổ chức thực hiện tốt toàn bộ khối lượng công việc trong hợp đồng theo đúng thời gian đã cam kết.

Cử cán bộ kỹ thuật có trình độ chuyên môn để đảm bảo chất lượng và công tác an toàn lao động trong quá trình thực hiện, tổ chức thi công.

Chịu trách nhiệm trang bị bảo hộ: mũ, giày, ... và đảm bảo an toàn lao động theo quy định cho người lao động trong thời gian thi công.

Chịu trách nhiệm huấn luyện an toàn lao động cho cán bộ công nhân viên và người lao động trước khi thực hiện triển khai công việc thi công và chịu trách nhiệm toàn bộ nếu để xảy ra ra mất an toàn lao động.

Thời gian bảo hành: 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu đưa vào sử dụng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

- Hình thức Hợp đồng: Hợp đồng không điều chỉnh đơn giá.

- Giá hợp đồng: (đã bao gồm thuế GTGT 8%).

(Bằng chữ:

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, Thuế Giá trị gia tăng được áp dụng theo quy định của pháp luật hiện hành.

5.1 Phạm vi công việc

Theo bảng tổng hợp giá trị hợp đồng

5.2. Tạm ứng:

a) Sau khi HĐ có hiệu lực và bên A nhận được bảo đảm thực hiện hợp đồng; bảo lãnh tạm ứng và công văn đề nghị tạm ứng của Bên B, bên A sẽ ứng trước cho Bên B 30% giá trị hợp đồng tương ứng với số tiền là: đồng (Bằng chữ:

b) Số tiền tạm ứng sẽ được chủ đầu tư thu hồi ngay từ lần thanh toán đầu tiên.

5.3. Thanh toán, quyết toán

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

- Lần 1: Bên A thanh toán cho bên B 50% giá trị Hợp đồng (đã bao gồm 30% giá trị tạm ứng) sau khi bên B hoàn thành 50% khối lượng các công việc thỏa thuận trong Hợp đồng theo biên bản tạm tính khối lượng công việc hoàn thành giữa hai bên.

- Lần 2: Bên A sẽ thanh toán 50% giá trị quyết toán còn lại của công trình sau khi Bên B nộp đầy đủ 03 bộ hồ sơ quản lý chất lượng công trình theo quy định (các bộ hồ sơ quản lý chất lượng công trình đều được ký, đóng dấu đỏ) các hồ sơ liên quan hợp lệ theo quy định hiện hành và hồ sơ quyết toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đồng thời Bên B phải chuyển cho Bên A bảo lãnh bảo hành công trình bằng 05% giá trị hợp đồng có thời hạn trong 12 tháng kể từ ngày bàn giao nghiệm thu công trình do ngân hàng hợp pháp tại Việt Nam phát hành.

Hồ sơ thanh quyết toán gồm:

- Công văn đề nghị thanh toán;
- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành được xác nhận;
- Thanh toán xác định giá trị hoàn thành theo Hợp đồng;
- Bảo lãnh bảo hành (Lần quyết toán);
- Hóa đơn giá trị gia tăng;
- Biên bản thanh lý hợp đồng (Lần quyết toán).

Điều 6. Loại hợp đồng và Thời gian thực hiện hợp đồng

Hình thức hợp đồng: Hợp đồng không điều chỉnh đơn giá

Thời gian thực hiện hợp đồng: ngày kể từ ngày bàn giao mặt bằng (bao gồm cả ngày nghỉ và ngày lễ).

Điều 7. Yêu cầu về chất lượng sản phẩm và nghiệm thu

7.1 Chất lượng sản phẩm của bên B phải đảm bảo đúng như cam kết trong bảng hồ sơ đề xuất và đảm bảo vật tư do Bên B cung cấp có nguồn gốc xuất xứ theo quy định.

7.2 Bên A chỉ nghiệm thu các sản phẩm của Hợp đồng khi sản phẩm của các công việc này đảm bảo chất lượng theo Khoản 7.1 nêu trên.

7.3 Nghiệm thu: Sau khi bên B hoàn thành toàn bộ nội dung công việc của Hợp đồng, tiến hành mời Bên A nghiệm thu đưa vào sử dụng.

Điều 8. Bảo hành, sửa chữa, khắc phục sai sót

Bên B bảo đảm thực hiện chế độ bảo hành đối với công trình trong thời gian 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu đưa vào sử dụng.

Kể từ ngày hoàn thành cho đến khi kết thúc thời hạn bảo hành công trình, Bên A sẽ thông báo cho Bên B về các sai sót trong công trình. Thời hạn bảo hành công trình phải được gia hạn cho đến khi các sai sót được sửa chữa xong.

Mỗi lần có thông báo về sai sót trong công trình, Bên B phải tiến hành sửa chữa sai sót đó trong khoảng thời gian quy định mà Bên A đã thông báo.

Nếu Bên B không sửa chữa sai sót trong khoảng thời gian được Bên A quy định tại thông báo sai sót trong công trình thì Bên A được thuê tổ chức khác khắc phục sai sót, xác định chi phí khắc phục sai sót và Bên B sẽ phải hoàn trả khoản chi phí này, khấu trừ từ tiền tạm giữ bảo hành.

Điều 9. An toàn lao động, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ

Bên B có trách nhiệm thực hiện an toàn lao động, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ tuân thủ theo quy định của tại Chi nhánh Công ty CP Xuất nhập khẩu Than-Vinacomin tại Quảng Ninh các quy định pháp luật khác liên quan và phải đảm bảo các quy định như sau:

- Phải lập các biện pháp an toàn cho người, máy móc thiết bị Trường hợp các biện pháp an toàn liên quan đến nhiều bên thì phải được các bên thống nhất.

- Biện pháp an toàn, nội quy về an toàn lao động phải được thể hiện công khai để mọi người biết và chấp hành; những vị trí nguy hiểm trên công trường phải bố trí người hướng dẫn, cảnh báo để phòng tai nạn.

- Có trách nhiệm cấp đầy đủ các trang bị bảo hộ lao động, an toàn lao động cho người lao động theo quy định khi sử dụng lao động trên công trường.

- Phải thực hiện các biện pháp bảo đảm về môi trường cho người lao động và bảo vệ môi trường xung quanh, bao gồm có biện pháp chống bụi, chống ồn và thu dọn hiện trường; nước thải, chất thải rắn và các loại chất thải khác và phải thực hiện các biện pháp bao che, thu dọn phế thải đưa đến đúng nơi quy định.

- Trong quá trình vận chuyển vật liệu xây dựng, phế thải phải có biện pháp che chắn bảo đảm an toàn, vệ sinh môi trường.

- Phải tuân thủ các quy định hiện hành về phòng chống cháy nổ.

- Chịu trách nhiệm đền bù mọi thiệt hại nếu do mình gây ra.

Điều 10. Thương hợp đồng, phạt vi phạm hợp đồng

10.1. Thương hợp đồng: Không áp dụng.

10.2. Phạt vi phạm hợp đồng:

- Về Chất lượng: Nếu Bên B vi phạm về chất lượng mà bị nhắc nhở tới lần thứ 2 bằng văn bản mà không khắc phục thì bị phạt vi phạm là 12% giá trị phần khối lượng công việc bị vi phạm về chất lượng đó. Khi để xảy ra vi phạm chất lượng do cơ quan

chức năng phát hiện là lỗi của Bên B mà vi phạm này làm ảnh hưởng nghiêm trọng chất lượng công trình, nhà thầu phải sửa chữa miễn phí và bồi thường thiệt hại cho Bên A 100% giá trị hợp đồng.

- Về tiến độ: Nếu chậm tiến độ do lỗi của Bên B so với tiến độ hợp đồng, thì sẽ bị phạt 3.000.000 đồng/ngày (Ba triệu đồng/ngày). Tổng thời gian chậm tiến độ không được quá 10 ngày. Số tiền phạt chậm tiến độ sẽ được khấu trừ vào quyết toán toàn bộ Hợp đồng. Khi để xảy ra ra vi phạm chậm tiến độ quá 10 ngày xác định lỗi do Bên B thì Bên B phải chịu phạt đến 30% giá trị hợp đồng.

- Về an toàn lao động: Khi để xảy ra mất an toàn lao động nghiêm trọng mà lỗi do Bên B mà cơ quan nhà nước xác định, ngoài việc nhà thầu phải khắc phục toàn bộ hậu quả, Bên B còn phải chịu phạt đến 30% giá trị hợp đồng.

- Về đảm bảo môi trường an ninh trật tự: Khi để xảy ra vi phạm nghiêm trọng về môi trường, an ninh, trật tự lỗi do Bên B gây ra theo xác định của cơ quan chức năng nhà nước thì Bên B phải chịu mức phạt đến 30% giá trị hợp đồng.

Điều 11. Chấm dứt hợp đồng

11.1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;

b) Bên B bị phá sản, giải thể;

c) Các hành vi khác (nếu có).

11.2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.

11.3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

Điều 12. Giải quyết tranh chấp

12.1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

12.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian 30 kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Hiệu lực hợp đồng

13.1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày bên B phát hành bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho bên A.

13.2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

13.3. Hợp đồng được lập thành 04 bộ, Bên A giữ 02 bộ, Bên B giữ 02 bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau để thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A
Giám đốc

ĐẠI DIỆN BÊN B
Giám đốc

Nguyễn Anh Tuấn

THỎA THUẬN LIÊN DANH

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Hồ sơ mời sơ tuyển: _____ [điền tên của HSMT]

Căn cứ HSMT _____ [điền tên của HSMT] ngày _____ [điền ngày được ghi trong HSMT];

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký kết thỏa thuận liên danh, bao gồm:

Tên thành viên liên danh thứ nhất: _____

- Đại diện là Ông/Bà
- Chức vụ:
- Địa chỉ:
- Số điện thoại:
- Fax:
- Email:
- Tài khoản ngân hàng:
- Mã số thuế:

Giấy ủy quyền số ____ ngày/tháng/năm (trong trường hợp ủy quyền).

Tên thành viên liên danh thứ hai: _____

- Đại diện là Ông/Bà:
- Chức vụ:
- Địa chỉ:
- Số điện thoại:
- Fax:
- Email:
- Tài khoản ngân hàng:
- Mã số thuế:

Giấy ủy quyền số ____ ngày/tháng/năm (trong trường hợp ủy quyền).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết Thỏa thuận Liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện thành lập Liên danh này để tham gia vào quá trình sơ tuyển của _____ [chèn tên của HSMT].
2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến quá trình sơ tuyển và quá trình lựa chọn NCC nếu được chọn là: _____ [ghi tên của liên danh theo thỏa thuận]

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với thành viên khác để tham gia quá trình lựa chọn NCC nếu được chọn. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong Thỏa thuận liên danh. Bất kỳ thành viên nào của Liên danh từ chối thực hiện nhiệm vụ theo thỏa thuận thì phải:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Hình thức xử lý khác _____ [nêu rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Tất cả các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm liên đới và riêng rẽ để thực hiện _____ [điền tên của HSMT] như sau:

1. Thành viên đứng đầu Liên danh:

Các bên nhất trí ủy quyền cho _____ [ghi tên của một bên] làm thành viên đứng đầu Liên danh, đại diện cho Liên danh để thực hiện các công việc sau:

- Ký Đơn dự thầu;
 - Ký các văn bản, tài liệu với Coalimex trong quá trình dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSMT; ký văn bản đề nghị rút, sửa đổi hoặc thay thế HSMT;
 - Thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả Liên danh (nếu Liên danh trúng thầu);
 - Tham gia đàm phán hợp đồng;
 - Ký đơn kiến nghị (nếu có);
2. Các thành viên liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây:

STT	Tên	Công việc	Tỷ lệ % so với tổng giá dự thầu	Tỷ lệ % cung cấp than
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh	-	- % - %	- % - %
2	Tên thành viên thứ hai		- % - %	- % - %
Tổng		Toàn bộ công việc	100%	100%

Lưu ý:

- Số lượng thành viên trong Liên danh không quá 02 thành viên.

- Thành viên đứng đầu của Liên danh phải chịu trách nhiệm cung cấp tối thiểu 70% khối lượng sẽ được cung cấp theo yêu cầu của việc đấu thầu này.
- Thành viên đứng đầu của Liên danh phải chịu trách nhiệm cho ít nhất [...] tổng giá thầu theo yêu cầu của việc đấu thầu này.

Điều 3. Hiệu lực của Thỏa thuận Liên danh

1. Thỏa thuận Liên danh có hiệu lực kể từ ngày được ký kết.
2. Thỏa thuận Liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:
 - Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và hoàn thành hợp đồng;
 - Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;
 - Có sự thay đổi thành viên liên danh. Trong trường hợp này, nếu sự thay đổi thành viên liên danh được Đơn vị mua sắm chấp thuận thì các bên phải thành lập Thỏa thuận Liên danh mới. Thỏa thuận Liên danh mới phải được các bên ký kết;
 - Liên danh không trúng trúng thầu;
 - Liên danh không ký kết hợp đồng;
 - Thỏa thuận liên danh này được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên và được lập thành ___ bản gốc, mỗi thành viên liên danh giữ ___ bản, nộp kèm theo HSDT 01 bản gốc. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU

[tên đầy đủ, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[tên đầy đủ, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Lưu ý:

- (1) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc ở trên. Liên quan đến Liên danh, Đơn dự thầu sẽ được ký và đóng dấu (nếu có) bởi đại diện hợp pháp của mỗi thành viên của Liên danh hoặc được ký bởi thành viên đứng đầu Liên danh.
- (2) NCC phải ghi rõ nội dung công việc chi tiết và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh.
- (3) NCC phải ghi rõ nội dung công việc chi tiết và ước tính giá trị tương ứng của các nhiệm vụ trong việc cung cấp than do các thành viên của Liên danh thực hiện.